

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
A	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ KH SDD NĂM 2022 (130 CÔNG TRÌNH)		291,93	24,55	267,38						
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		27,08	6,62	20,46						
1.1	Công trình dự án mục đích quốc phòng, an ninh		8,90	0,04	8,86						
1.1.2	Đất quốc phòng	CQP	8,90	0,04	8,86						
1	Xây dựng trận địa SMPK 12,7mm trong khu vực phòng thủ thành phố Lai Châu	CQP	0,09	0,04	0,05	CLN (0,01); RSX (0,04)	Xã San Thàng, Sùng Phài	Ban CHQS thành phố	Thửa 96,99 tờ 41 tỷ lệ 1:2000 xã San Thàng; Thửa 88 tờ 05 tỷ lệ 1:2000 xã Sùng Phài	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (mục 3 trang 1); Quyết định số 2562/QĐ-BCH ngày 10/10/2018 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt hồ sơ Thiết kế - Dự toán công trình: Trận địa súng máy phòng không 12,7 ly (Ký hiệu: TDPK: LC-18)	Đã thực hiện 0,04 ha; còn lại chuyển tiếp
2	Xây dựng khối chắn trong thao trường tổng hợp	CQP	3,00		3,00	BHK (1,22); DCS (1,78)	xã Sùng Phài	Bộ CHQS tỉnh	Thửa 1,4,5,6 tờ 89	Quyết định 392/QĐ-BTL ngày 15/5/2018 của Bộ Tư lệnh Quân khu 2	Chuyển tiếp
3	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên giai đoạn 2	CQP	0,75		0,75	CLN (0,35); BCS (0,4)	P. Đông Phong	Bộ CHQS tỉnh	Thửa 195,197,205,211 tờ 64 tỷ lệ 1:2000	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07/10/2020 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án trung tâm huấn luyện dự bị động viên giai đoạn 2	Chuyển tiếp
4	Xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố	CQP	4,00		4,00	CLN (0,2); DCS (3,8)	Xã San Thàng	Ban CHQS thành phố	Các tờ 66, 76, 87, 90,...	Quyết định số 152/QĐ-BTL ngày 22/1/2021 của Bộ tư lệnh quân khu 2 về việc phê duyệt quy hoạch vị trí xây dựng căn cứ chiến đấu	Chuyển tiếp
5	Công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh	CQP	1,06		1,06	RPH (0,97); NHK (0,09)	Xã Sùng Phài	Bộ CHQS tỉnh	Thửa 02 tờ 51 tỷ lệ 1:2000	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (0,97 ha); Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 về chủ trương đầu tư công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh	Chuyển tiếp
1.2	Công trình dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng		18,18	6,58	11,60						
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất										
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất		18,18	6,58	11,60						
1.2.2.1	Đất giao thông	DGT	18,18	6,58	11,60						
6	Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do Ngân hàng phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài-Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)	DGT	18,18	6,58	11,60	LUK (1,05); BHK (1,75); NHK (0,02); CLN (1,4); NTS (0,2); CQP (0,04); ONT (0,4); ODT (0,8); DGT (5,92); DNL (0,01); DKV (0,01)	Xã San Thàng, P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Công trình dạng tuyến	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 08/6/2020; Quyết định số 949/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Chuyển tiếp
2	Các công trình, dự án còn lại		264,85	17,93	246,92						

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		241,65	16,54	225,11						
2.1.1	Đất giao thông	DGT	81,91	9,77	72,14						
7	Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất, thành phố Lai Châu (Tuyến số 01, tuyến số 03 và tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch tuylen cũ)	DGT	1,28	0,35	0,93	ONT (0,11), HNK(0,03), ODT (0,04), DGT(0,44), DTL(0,02), CSD(0,01); BHK (0,05), ODT (0,15), DTL (0,05), DCS (0,03)	P. Đoàn Kết, Quyết Tiến, xã Sùng Phái	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (0,65 ha); NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (mục 6 trang 1 là 0,28 ha); Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư công sử dụng nguồn tăng thu ngân sách địa phương năm 2014 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2015; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp
8	Nâng cấp tuyến đường Võ Văn Kiệt kéo dài thành phố Lai Châu	DGT	1,72	0,06	1,66	LUK (0,1); BHK (0,05); CLN (0,01); NTS (0,03); ODT (0,05); DGT (0,2); BCS (1,22)	P. Đông Phong	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (1,2 ha); NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (mục 8 trang 1 là 0,46 ha); Văn bản số 1845/UBND-BQL ngày 13/11/2018 của UBND thành phố Lai Châu về việc Đồng ý chủ trương điều chỉnh, bổ sung nội dung và tổng mức đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt chủ trương nâng cấp công trình	Chuyển tiếp
9	Đường Đình Bộ Lĩnh	DGT	11,73	0,26	11,47	BHK (2,05); CLN (5,05); NTS (1,7); ODT (0,6); DGT (0,6); DTL (0,4); BCS (0,92); NHK (0,15)	P. Đông Phong, Tân Phong	Ban QLDA	Tờ 20,21,22,25,29 tỷ lệ 1:1000 P Tân Phong	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 9 trang 1 là 9,92 ha); NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 12 trang 2 là 1,4 ha); Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố Lai Châu; Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND thành phố Lai Châu; Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp (bổ sung thêm 0,15 ha)
10	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ Trung đoàn 880 đến bản Tả Xin Chải (bổ sung)	DGT	1,20		1,20	LUK (0,06); BHK (0,06); CLN (0,03); NTS (0,05); ONT (0,02); ODT (0,05); CQP (0,1); DTL (0,03); DGT (0,8)	Xã San Thàng, P Đông Phong	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Mục 3, trang 1 là 1,2 ha); Quyết định số 2017a/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp
11	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ đường QL4D đi Phan Lìn nối với đường San Thàng - Đông Pao, thành phố Lai Châu	DGT	1,63		1,63	BHK (0,1); CLN (0,2); NTS (0,03); ONT (0,6); BCS (0,7)	Xã San Thàng	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Mục 7 trang 1 là 1,63 ha)	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
12	Cải tạo tuyến đường bản Gia Khâu xã Sùng Phài	DGT	4,03	2,50	1,53	BHK (0,1); CLN (0,2); NTS (0,03); ONT (0,6); DCS (0,6)	Xã Sùng Phài	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Mục 8 trang 1)	Chuyển tiếp
13	Nâng cấp cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong	DGT	2,25		2,25	LUK (0,66); BHK (0,46); NHK (0,01); CLN (0,08); NTS (0,11); CQP (0,2); TMD (0,03); ONT (0,11); ODT (0,4); DGT (0,1); DTL (0,02); DVH (0,01); DGD (0,03); BCS (0,01); DCS (0,02)	Xã San Thàng, P Đông Phong	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Mục 6 trang 4 là 1,20 ha); NQ số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Mục 3 trang 4 là 1,05 ha); Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình; Văn bản số 921/UBND-TCKH ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Lai Châu về việc đồng ý chủ trương công trình	Chuyển tiếp
14	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường GTNT và hệ thống thoát nước bản Thành Công- xã San Thàng	DGT	1,00	0,50	0,50	BHK (0,1); CLN (0,1); ONT (0,05); DGT (0,2); BCS (0,05)	Xã San Thàng	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Mục 7 trang 4)	Chuyển tiếp
15	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Sáo Lân Than tới bản Máng	DGT	1,15	0,40	0,75	BHK (0,05); CLN (0,05); ODT (0,05); DGT (0,5); BCS (0,1)	P. Quyết Thắng	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; Quyết định số 1413a/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND thành phố Lai Châu phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế BVTC và dự toán đầu tư xây dựng công trình	Chuyển tiếp
16	Nâng cấp tuyến đường Trần Văn Thọ, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu (đoạn giao với đường Trần Quý Cáp và đường số 2C-9 theo quy hoạch - nay là nút giao đường Kim Đồng)	DGT	0,55	0,05	0,50	BHK (0,27); CLN (0,1); TMD (0,01); ODT (0,05); TSC (0,01); DGT (0,05); DNL (0,01)	P. Tân Phong	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Mục 10 trang 8)	Chuyển tiếp
17	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường GTNT từ bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng đi Sìn Cầu	DGT	3,10	0,80	2,30	BHK (0,5); NHK (0,2); CLN (0,5); DGT (0,8); BCS (0,3)	Xã San Thàng	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (2,3 ha); Kế hoạch số 483/KH-UBND ngày 22/3/2019 của UBND thành phố về việc thực hiện phát triển đô thị năm 2019; Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị thành phố Lai Châu giai đoạn 2017-2020	Chuyển tiếp
18	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thên Sin - Muồng So)	DGT	12,61	4,10	8,51	LUA (1,25); BHK (0,61); NHK (0,92); CLN (0,3); NTS (0,2); RSX (0,2); TMD (0,005); ONT (0,2); DGT (4,1); DTL (0,11); DGD (0,005); SON (0,19); BCS (0,42); NTD (0,002)	Xã San Thàng	Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông Tỉnh Lai Châu	Công trình dạng tuyến	NQ số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 (Mục 1 trang 1); Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
19	Nâng cấp tuyến đường từ nhà máy gạch Tuynel (cũ) đến đường Trần Hưng Đạo	DGT	1,78	0,55	1,23	BHK (0,12); CLN (0,15); ODT (0,25); DGT (0,6); DTL (0,01); BCS (0,1)	P. Đoàn Kết	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (0,16 ha); NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Mục 8 trang 1 là 1,07 ha); Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND thành phố Lai Châu phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình; Văn bản số 3505/UBND-TCKH ngày 28/10/2021 của UBND thành phố về việc đồng ý điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình	Chuyển tiếp
20	Tuyến đường từ QL4D đến bản Tà Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài	DGT	9,22	0,00	9,22	LUA (0,70); BHK (0,06); NHK (2,52); CLN (5,0); RSX (0,1); NTS (0,02); ONT (0,06); ODT (0,02); SON (0,02); DGT (0,6); DNL (0,02); DTL (0,04); BCS (0,04); DCS (0,02)	Xã Sùng Phài, P. Quyết Thắng, P. Quyết Tiến	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (7,22 ha); Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021; Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt dự án; Quyết định số 1154/QĐ-BQL ngày 29/11/2021 của Ban QLDA thành phố Lai Châu; Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp (bổ sung thêm 2,0 ha)
21	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (bổ sung vị trí bãi đỗ thải)	DGT	6,57		6,57	LUK (2,0); BHK (0,6); CLN (0,1); NTS (0,08); DTS (0,05); TMD (0,05); ODT (0,07); DGT (0,2); DTL (0,5); DCS (0,02); DTL (0,1); NHK (2,8)	P. Quyết Thắng	Ban QLDA	Các thửa 72,83,86,... từ 15 tỷ lệ 1:1000	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 3 trang 1 là 6,57 ha); NQ số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp
22	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17 phường Quyết Thắng	DGT	17,27	0,00	17,27	LUA (0,23); BHK (0,4); NHK (5,1); CLN (8,73); NTS (0,25); ODT (0,57); DGT (0,27); DTL (0,03); TMD (0,07); DGD (0,62); DCS (0,1); BCS (0,9)	Các phường: Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp (bổ sung thêm 3,16 ha)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
23	Đường ngõ xóm tổ 23 (từ hộ ông Tạ Đức Hạnh)	DGT	0,03	0,02	0,01	CLN	P. Đông Phong	UBND phường	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 7 trang 1, 0,01 ha); Công văn số 868/CV-UBND ngày 18/1/2020 của UBND phường Đông Phong	Chuyển tiếp
24	Đường ngõ xóm 24 (từ NVH tổ 24)	DGT	0,05	0,02	0,03	BHK	P. Đông Phong	UBND phường	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 8 trang 1, 0,03 ha); Công văn số 868/CV-UBND ngày 18/1/2020 của UBND phường Đông Phong	Chuyển tiếp
25	Đường ngõ xóm Bàn Tả Xin Chải (từ nhà Ông Máy đến nhà ông Luyến)	DGT	0,08	0,03	0,05	LUK (0,01); BHK (0,02); ODT (0,02)	P. Đông Phong	UBND phường	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 9 trang 1, 0,05 ha); Công văn số 868/CV-UBND ngày 18/1/2020 của UBND phường Đông Phong	Chuyển tiếp
26	Đường ngõ xóm tổ 23 (từ đường Trường Chinh)	DGT	0,07	0,03	0,04	CLN (0,03); ODT (0,01)	P. Đông Phong	UBND phường	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 10 trang 1, 0,04 ha)	Chuyển tiếp
27	Đường ngõ xóm Bàn Tả Xin Chải (từ nhà Ông Vàng Văn Nam- nhà Vàng Văn Hồ)	DGT	0,11	0,10	0,01	ODT	P. Đông Phong	UBND phường	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 11 trang 2, 0,01 ha)	Chuyển tiếp
28	Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại Lộ Lê Lợi	DGT	4,48		4,48	BHK (0,4); CLN (2,00); NTS (0,20); ONT (0,10); ODT (0,20); DTL (0,11); DGT (1,20); SKC (0,05); DGD (0,02); BCS (0,04); DCS (0,16)	xã Sùng Phái; P.Tân Phong	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (4,32 ha); Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư KCM giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp (bổ sung thêm 0,16 ha)
2.1.2	Đất thủy lợi	DTL	37,17	0,50	36,67						
29	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố	DTL	14,90	0,50	14,40	LUA (9,6); BHK (0,2); NHK (0,8); CLN (0,5); NTS (1,7); ONT (0,33); ODT (0,77); SON (0,5)	P. Đoàn Kết, Đông Phong, Tân Phong, Quyết Thắng, xã San Thàng	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 10 trang 1 là 14,4 ha); Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp
30	Cống thoát nước từ khu dân cư số 1 ra suối Nậm Con Gìn	DTL	0,10		0,10	BHK (0,04); NTS (0,06)	P. Đông Phong	Phòng QLĐT	Công trình dạng tuyến	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 11 trang 1, 0,1 ha)	Chuyển tiếp
31	Khắc phục, xử lý ngập úng tại bản Lùng Thàng, xã Sùng Phái	DTL	0,33		0,33	BHK (0,04); NHK (0,2); CLN (0,04); ONT (0,05)	Xã Sùng Phái	Phòng Kinh tế	Công trình dạng tuyến	NQ số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Chuyển tiếp
32	Hệ thống thoát nước thành phố - Tuyến kênh số 2 (Bổ sung diện tích)	DTL	0,05		0,05	LUK (0,04); BCS (0,01)	P. Quyết Thắng	Ban QLDA	Thửa 227,228,229,251 tờ 11; Thửa 3,4,5,6,7 tờ 12 tỷ lệ 1:1000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020	Chuyển tiếp
33	Khắc phục ngập úng dọc tuyến đường Đông Pao, bản Căng Đẳng, xã San Thàng	DTL	0,15		0,15	LUK (0,03); BHK (0,12)	Xã San Thàng	Phòng Kinh tế	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 15, trang 2 là 0,15 ha); Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 18/20/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt BC KTKT xây dựng công trình	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
34	Nâng cấp kênh từ cầu Gia Khâu 2 đến kênh Lùng Thàng, xã Sùng Phài	DTL	1,61		1,61	LUK (0,30); BHK (0,20); CLN (0,03); NTS (0,50); ONT (0,03); DTL (0,45); DGT (0,05); BCS (0,05)	Xã Sùng Phài	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND thành phố về việc chủ trương đầu tư các dự án khởi công giai đoạn 2022-2025	Chuyển tiếp
35	Nâng cấp, sửa chữa kênh từ đường tránh chợ San Thàng đến bản Thành Công	DTL	1,06		1,06	LUK (0,30); BHK (0,10); CLN (0,02); NTS (0,20); ONT (0,02); DTL (0,35); DGT (0,02); BCS (0,05)	Xã San Thàng	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND thành phố về việc chủ trương đầu tư các dự án khởi công giai đoạn 2022-2025; Công văn số 933/BQL ngày 10/10/2021 của Ban quản lý dự án thành phố Lai Châu	Chuyển tiếp
36	Kênh thủy lợi Cư Nhà La đến ngã ba Nông trường	DTL	0,66		0,66	LUK (0,06); CLN (0,22); NTS (0,31); DCS (0,07)	xã Sùng Phài, P. Tân Phong	Phòng Kinh tế	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 13 trang 2 là 0,05 ha); NQ số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021	Chuyển tiếp
37	Kênh thoát nước tại trung tâm bản Lùng Than, xã San Thàng	DTL	0,05		0,05	DTL	Xã San Thàng	Phòng Kinh tế	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 14 trang 2 là 0,05 ha) ; NQ số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021	Chuyển tiếp
38	Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu (giai đoạn II)	DTL	3,08		3,08	LUK (0,10); BHK (0,40); CLN (0,50); NTS (0,05); ODT (0,13); TSC (0,10); DVH (0,10); DTL (0,90); DGT (0,30); DCS (0,50)	P. Quyết Thắng, P. Quyết Tiến	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND thành phố về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định 135/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án	Chuyển tiếp
39	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	DTL	8,70		8,70	LUK (2,25); NHK (0,5); BHK (1,2); CLN (0,5); NTS (1,5); ONT(0,2); TMD (0,1); DGT (0,3); DTL (0,4); SON (1,6); BCS (0,2)	Xã San Thàng	Ban QLDA	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước dự kiến khởi mới trong giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt dự án Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	Chuyển tiếp (bổ sung thêm 2,5 ha)

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
40	Hồ Giang Ma	DTL	6,48		6,48	LUK (3,11); BHK (0,35); NHK (1,44); CLN (1,44); NTS (0,08); DGT (0,03); DTL (0,03)	Xã San Thàng	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Các tờ 66, 88, 75,...	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3100/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về chủ trương đầu tư dự án Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu; Báo cáo số 602KH/TL ngày 13/7/2021 của Vụ Kế hoạch - Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp (bổ sung thêm 0,85 ha)
2.1.3	Đất công trình năng lượng	DNL	4,80	0,00	4,80						
41	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải, và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 4.2, 450m2/hộ, 5.1, thành phố Lai Châu	DNL	0,10		0,10	DGT	P. Tân Phong, P. Đoàn Kết	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
42	Cấp điện cho KDC sau TBA số 3, số 4, Hồng Thu Mông, nghĩa trang thành phố	DNL	0,04		0,04	BHK (0,02); ONT (0,02)	Xã San Thàng	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
43	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Số 4.3, San Thàng 2, Số 3, Số 4, Số 4.4, TĐC 1.1, và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Bàn Đông, 4.2, Khu 2D, số 6 GDD1, Phan Lin, thành phố Lai Châu năm 2019	DNL	0,23		0,23	LUK (0,05); BHK (0,06); CLN (0,06); ONT (0,02); ODT (0,04)	Các xã San Thàng, Sùng Phài và các phường: Đoàn Kết, Tân Phong, Quyết Thắng, Đông Phong	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; Quyết định số 1601/QĐ-PCLC ngày 17/9/2019 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp
44	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 5.2, KDC số 1 MR, Quyết Thắng, Tả Lán Than, Phan Chu Hoa, thành phố Lai Châu	DNL	0,30		0,30	LUK (0,09); BHK (0,1); NHK (0,06); CLN (0,05)	Xã San Thàng, các P. Tân Phong, Đông Phong, Quyết Thắng	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Quyết định số 68/QĐ-PCLC ngày 06/02/2017 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp
45	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Lũng Than, Bàn Đông 2, thành phố Lai Châu	DNL	0,14		0,14	LUK (0,06); BHK (0,04); NHK (0,02); CLN (0,02)	Xã San Thàng, P. Đông Phong	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Quyết định số 66/QĐ-PCLC ngày 06/02/2017 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp
46	Cải tạo và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA Nùng Nàng, số 4, số 3, số 6, số 7, số 7A, chợ Nậm Loóng, nghĩa trang, Quyết Tiến, thành phố Lai Châu	DNL	0,25		0,25	LUK (0,06); BHK (0,09); NHK (0,05); CLN (0,05)	Xã San Thàng: các phường: Đoàn kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Quyết định số 58/QĐ-PCLC ngày 21/01/2016 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp
47	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Bàn Mới, Tả Sin Chải, TĐC1.1, KDC số 1 GĐ2, KDC số 2, Lao Ty Phùng, Sùng Phài B, Lán Nhì Thàng, Nùng Nàng, Suối Thầu, Hồng Thu Mông, và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Số 6, số 8A, Hồng Thu Mán, thành phố Lai Châu năm 2020	DNL	0,56		0,56	LUK (0,11); BHK (0,25); NHK (0,10); CLN (0,10)	Xã San Thàng, các phường: Đông Phong, Tân Phong, Đoàn Kết, Quyết Tiến	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Quyết định số 1670/QĐ-PCLC ngày 30/9/2019 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
48	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ TTDN>10%: Các TBA Pê Si Ngải, Nậm Há, Cấn Ma, Ta Pung, huyện Sìn Hồ; TBA CQT5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa, huyện Tam Đường; TBA Huổi Mẩn, huyện Nậm Nhùn	DNL	0,13		0,13	LUK (0,03); BHK (0,05); NHK (0,03); CLN (0,02)	P. Quyết Tiến	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Quyết định số 1678/QĐ-PCLC ngày 30/9/2019 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp
49	Công trình: 474 Phong Thổ - Mường So	DNL	0,67		0,67	LUK (0,24); BHK (0,21); NHK (0,09); CLN (0,13)	Xã Sùng Phài, các phường: Quyết Tiến, Quyết Thắng	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Quyết định số 1639/QĐ-PCLC ngày 26/9/2019 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Chuyển tiếp
50	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường năm 2021	DNL	0,58		0,58	LUK (0,20); BHK (0,20); NHK (0,10); CLN (0,08)	Xã San Thàng, P. Quyết Thắng, Quyết Tiến, Đông Phong	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 128/QĐ-PCLC ngày 22/01/2021 của Công ty Điện lực Lai Châu	Chuyển tiếp
51	Dự án đường dây 220kV Phong thổ-Thân Uyên	DNL	1,72		1,72	LUK (0,04); RSX (1,68)	xã Sùng Phài, xã San Thàng	Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Công trình dạng tuyến	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; Công văn số 947/UBND-KTN ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
52	Dự án cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	DNL	0,08		0,08	LUK (0,01); BHK (0,02); NHK(0,02); CLN(0,03)	xã Sùng Phài	Điện lực tỉnh	Công trình dạng tuyến	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 6739/QĐ - BCT ngày 18/9/2013 của Bộ trưởng bộ Công thương về việc phê duyệt dự án đầu tư XD công trình: Cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
2.1.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,12	0,00	0,12						
53	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm viễn thông thành phố	DBV	0,11		0,11	BCS	P. Quyết Thắng	Viễn thông Lai Châu	Thửa 72 tờ 33	Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Chuyển tiếp
54	Xây dựng trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn Thành phố Lai Châu	DBV	0,006		0,006	DKV (0,003); DGT (0,003)	P. Đông Phong, P. Tân Phong	Viễn thông Lai Châu	Thửa 3 tờ 147 (Đông Phong); thửa 155 tờ 87 (Tân Phong)	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; Quyết định số 245/QĐ-VNPT-KHĐT ngày 15/12/2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Phê duyệt giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.	Chuyển tiếp
2.1.5	Đất cơ sở văn hóa	DVH	2,79	0,00	2,79						
55	Nhà văn hóa bản Sùng Chồ	DVH	0,10		0,10	TSC	Xã Sùng Phài	UBND phường, xã	Thửa 15 tờ 24 tỷ lệ 1:1000	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 17 trang 2 là 0,1 ha)	Chuyển tiếp
56	Nhà văn hóa tổ dân phố số 9	DVH	0,09	0,00	0,09	TSC	P. Quyết Thắng	UBND phường, xã	Thửa 90 tờ 22 tỷ lệ 1:1000	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND thành phố về việc chủ trương đầu tư các dự án khởi công giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND thành phố về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2022	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
57	Nhà văn hóa bản Tả Xin Chải	DVH	0,05		0,05	DGD	P. Đông Phong	UBND phường	Thửa 153 tờ 72 tỷ lệ 1:1000	Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 và QĐ số 804/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
58	Mở rộng khuôn viên Bảo tàng tỉnh	DVH	0,58		0,58	BCS	P. Tân Phong	Sở văn hóa	Thửa 92 tờ số 08 tỷ lệ 1:2000	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 16 trang 2 là 0,58 ha); Công văn số 2551/UBND-SXD ngày 16/2/2016 của UBND tỉnh về việc giới thiệu địa điểm, phạm vi, ranh giới khu đất bổ sung xây dựng Bảo Tàng tỉnh	Chuyển tiếp
59	Nhà văn hóa tổ dân phố số 22	DVH	0,05		0,05	DVH	P. Đông Phong	UBND phường	Thửa 34 tờ 84	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
60	Nhà văn hóa tổ 23	DVH	0,05		0,05	DVH	P. Đông Phong	UBND phường	Thửa 54 tờ 70	NQ số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (0,05 ha)	Chuyển tiếp
61	Nhà văn hóa tổ 24	DVH	0,04		0,04	DVH	P. Đông Phong	UBND phường	Thửa 45 tờ 91	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
62	Nhà văn hóa tổ 25	DVH	0,05		0,05	DVH	P. Đông Phong	UBND phường	Thửa 126 tờ 79	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
63	Nhà văn hóa tổ 26	DVH	0,05		0,05	DVH	P. Đông Phong	UBND phường	Thửa 104 tờ 78	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
64	Nhà văn hóa bản Hối Lùng	DVH	0,04		0,04	DVH	Xã Sùng Phài	UBND xã	Thửa 133 tờ 16	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia	Chuyển tiếp
65	Nhà văn hóa bản Gia Khâu 2	DVH	0,07		0,07	DVH	Xã Sùng Phài	UBND xã	Thửa 1 tờ 24	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
66	Nhà văn hóa bản Sin Páo Chải	DVH	0,04		0,04	DVH	Xã Sùng Phài	UBND xã		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
67	Nhà văn hóa bản Cư Nhà La	DVH	0,20		0,20	DVH	Xã Sùng Phài	UBND xã	Thửa 47 tờ 86	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
68	Nhà văn hóa các tổ dân phố 1;4;8;9;10;14;15;21	DVH	0,50		0,50	DVH	P. Tân Phong	UBND phường		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
69	Nhà văn hóa các tổ dân phố 2;3;5;6;7;10;11; Thành Lập	DVH	0,50		0,50	DVH	P. Đoàn Kết	UBND phường		NQ số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (TDP 11 là 0,03 ha)	Chuyển tiếp
70	Nhà văn hóa bản Cẩng Đẳng	DVH	0,10		0,10	DVH	Xã San Thàng	UBND xã	Thửa 109 tờ 106	Công văn 821/UBND ngày 20/10/2021 của UBND xã San Thàng	Chuyển tiếp
71	Nhà văn hóa bản Lùng Than	DVH	0,07		0,07	DVH	Xã San Thàng	UBND xã	Thửa 607 tờ 6	Công văn 821/UBND ngày 20/10/2021 của UBND xã San Thàng	Chuyển tiếp
72	Nhà văn hóa bản Phan Lìn	DVH	0,17		0,17	DVH	Xã San Thàng	UBND xã	Thửa 98 tờ 103	Công văn 821/UBND ngày 20/10/2021 của UBND xã San Thàng	Chuyển tiếp
73	Nhà văn hóa bản Chín Chu Chải	DVH	0,04		0,04	DVH	Xã San Thàng	UBND xã	Thửa 343 tờ 33	Công văn 821/UBND ngày 20/10/2021 của UBND xã San Thàng	Chuyển tiếp
2.1.6	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	10,75	0,23	10,52						

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
74	Trường Tiểu học Đoàn Kết	DGD	2,01		2,01	BHK (0,42); CLN (0,95); ODT (0,13); DGT (0,2); BCS (0,31)	P. Đoàn Kết	Ban QLDA	Thửa 93 tờ 100 tỷ lệ 1:2000	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 5 trang 1 là 0,21 ha); NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Mục 5 trang 1 là 1,80 ha); Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán xây dựng công trình	Chuyển tiếp
75	Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Lai Châu	DGD	2,48		2,48	BHK (0,88); CLN (0,8); ONT (0,1); DGD (0,7)	Xã Sùng Phài	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thửa 60,64,65,68,95,96,... tờ 24 tỷ lệ 1:1000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 5 trang 1 là 2,48 ha)	Chuyển tiếp
76	Trường THCS Đông Phong	DGD	2,37		2,37	LUK (0,4); BHK (0,83); NTS (0,96); ODT (0,07); DTL (0,05); BCS (0,06)	P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Tờ 82 tỷ lệ 1:1000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 4 trang 1 là 2,37 ha); NQ số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp
77	Trường Trung học cơ sở Quyết Tiến	DGD	2,23	0,23	2,00	BHK (0,2); CLN (1,5); ODT (0,2); DGT (0,1)	P. Quyết Tiến	Ban QLDA	Thửa 110,111,126,127,128,... Tờ 03 tỷ lệ 1:2000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp
78	Điểm trường Mầm non - Tiểu học bản Sùng Phài	DGD	0,30		0,30	BHK (0,30)	Xã Sùng Phài	Ban QLDA	Thửa 25,... tờ 69 tỷ lệ 1:2000	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 18 trang 2 là 0,3 ha); NQ số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp
79	Trường Tiểu học - THCS Sùng Phài	DGD	1,36		1,36	BHK (0,06); CLN (0,18); DGT (0,03); ONT (0,03); DGD (1,06)	Xã Sùng Phài	Ban QLDA	Thửa 59,61,... tờ 85 tỷ lệ 1:2000	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 4 trang 1 là 1,21 ha); NQ số 32/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; NQ số 135/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư khởi công mới năm 2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp (bổ sung thêm 0,15 ha)
2.1.7	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	17,28	0,00	17,28						

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
80	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu (khu B, C)	DTT	13,11		13,11	LUK (2,82); BHK (4,74); NTS (2,4); ONT (1,22); DGT (0,21); DTL (0,46); DGD (0,03); BCS (1,23)	Xã San Thàng	Ban QLDA ĐT XD các CT DẪN DỤNG & CÔNG NGHIỆP	Tờ 99, 100 tỷ lệ 1:1000	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 2 trang 1 là 13,11 ha); Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về việc quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước dự kiến khởi công mới năm 2021	Chuyển tiếp
81	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu (khu A)	DTT	4,17		4,17	DTL (0,10); HNK (0,15); DCS (3,92)	P. Tân Phong	Ban QLDA ĐT XD các CT DẪN DỤNG & CÔNG NGHIỆP	Thửa 161 tờ 72; thửa 74 tờ 73; thửa 1 tờ 78	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước dự kiến khởi mới trong giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án	Chuyển tiếp
2.1.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,10	3,80	3,30						
82	Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lai Châu	DRA	7,10	3,80	3,30	BHK (0,7); NHK (2,0); CLN (0,6)	Xã San Thàng	Ban QLDA ĐT XD các CT DẪN DỤNG & CÔNG NGHIỆP	Thửa 36,39,43,... Tờ 124 tỷ lệ 1:2000	Văn bản số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017	Chuyển tiếp
2.1.9	Đất ở nông thôn	ONT	0,20	0,00	0,20						
83	Giao đất ở (Nhà lớp học điểm trường San Thàng 2)	ONT	0,08		0,08	DGD	Xã San Thàng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 182 tờ 49 tỷ lệ 1:1000	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp
84	Giao đất ở (Nhà lớp học điểm trường mầm non Gia Khâu 2)	ONT	0,05		0,05	DGD	Xã Sùng Phài	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 97 tờ 21 tỷ lệ 1:1000	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp
85	Giao đất ở (Nhà lớp học điểm trường tiểu học và THCS Nậm Loóng)	ONT	0,07		0,07	DGD	Xã Sùng Phài	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 98 tờ 21 tỷ lệ 1:1000	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp
2.1.10	Đất ở đô thị	ODT	56,73	2,14	54,59						
86	San gạt mặt bằng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 (Giai đoạn 2) lô 2, lô 3	ODT	2,00		2,00	BHK (0,73); CLN (1,2); ODT (0,07)	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 22,23,29,30,32,35,... Tờ 04 tỷ lệ 1:2000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 13 trang 2 là 2 ha)	Chuyển tiếp
87	San gạt mặt bằng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 (Giai đoạn 2) lô 4, lô 5	ODT	2,00		2,00	BHK (0,73); CLN (1,2); ODT (0,07)	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 22,23,29,30,32,35,... Tờ 04 tỷ lệ 1:2000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 14 trang 2 là 2 ha)	Chuyển tiếp
88	Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D	ODT	20,00	2,10	17,90	LUK (1,0); NHK (3,0); CLN (10,0); ODT (1,48); DGT (1,59); DTL (0,83)	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Tờ 02,03 tỷ lệ 1:2000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 7 trang 1 là 20,0 ha)	Chuyển tiếp
89	Phát triển quỹ đất để cấp TĐC và đấu giá QSD đất khu dân cư 2B, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu	ODT	2,60		2,60	BCS	P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Tờ 98, 99 tỷ lệ 1:500	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019; Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu để thực hiện dự án	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
90	Đầu tư mặt bằng và HTKT bên đường Trần Đăng Ninh, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu	ODT	1,34	0,04	1,30	BHK (0,56); CLN (0,4); BCS (0,34)	P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 611 tờ 18 tỷ lệ 1:1000	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019	Chuyển tiếp
91	Khu đô thị thiên đường Mắc ca tỉnh Lai Châu	ODT	22,91		22,91	LUK (0,2); HNK (8,17); CLN (0,1); NTS (0,05); RSX (13,2); DTL (0,4); ODT (0,4); DCS (0,39)	Phường Đoàn Kết, Tân Phong	Công ty Mắc ca Lai Châu	Thửa 03, 12,... Tờ 19 tỷ lệ 1:1000 ; đất lâm nghiệp	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 và số 29/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị thiên đường Mắc ca tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
92	Khu đô thị trung tâm thương mại và nhà ở Lai Châu	ODT	3,48		3,48	DTS (0,18); DGT (0,13); DTL (0,07); DGD (0,80); DTT (2,30)	P. Đoàn Kết	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 48,94 tờ 17, thửa 75 tờ 16 tỷ lệ 1:500	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 08/6/2020 (3,48 ha); Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu để quản lý, lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất có tài sản gắn với đất thuộc sở hữu Nhà nước	Chuyển tiếp
93	Khu trung tâm thương mại và nhà ở phường Đông Phong	ODT	1,74		1,74	BCS	P. Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 11 tờ 67	Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất tại địa bàn phường Đông Phong, thành phố Lai Châu; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp
94	Đất ở đô thị phường Quyết Tiến	ODT	0,16		0,16	TMD	P. Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 54 tờ 35 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm do giảm nhu cầu sử dụng đất; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu quản lý theo quy định	Chuyển tiếp
95	Phát triển quỹ đất ở khu 9 - khu dân cư số 2 phường Tân Phong (bổ sung)	ODT	0,50		0,50	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Tờ 19, 21, 87	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (mục 12 trang 8 là 0,5 ha); Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 1363/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố Lai Châu	Chuyển tiếp
2.1.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,73	0,00	1,73						
96	Trụ sở phường Quyết Tiến	TSC	0,70		0,70	DCS	P. Quyết Tiến	Ban QLDA	Thửa 103 tờ 38 tỷ lệ 1:500	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Mục 4 trang 1 là 0,7 ha)	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
97	Trụ sở phường Đoàn Kết	TSC	0,99		0,99	BHK (0,06); CLN (0,08); ODT (0,04); BCS (0,75); DVH (0,06)	P. Đoàn Kết	Ban QLDA	Thửa 93 tờ 100 tỷ lệ 1:2000	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (0,36 ha); NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Mục 1 trang 1 là 0,63 ha); Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình; Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi, giao đất cho Ban QLDA thành phố Lai Châu để thực hiện dự án	Chuyển tiếp
98	Trụ sở xã San Thàng (bổ sung diện tích)	TSC	0,04		0,04	CLN (0,04)	Xã San Thàng	Ban QLDA	Thửa 105,107 tờ 41 tỷ lệ 1:2000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Mục 1 trang 1 là 0,04 ha)	Chuyển tiếp
2.1.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức nghiệp	DTS	2,47	0,00	2,47						
99	Xây dựng văn phòng thường trú Báo nhân dân tại tỉnh Lai Châu	DTS	0,15		0,15	BCS	P. Tân Phong	Báo Nhân Dân	Thửa 77 tờ 62; thửa 1 tờ 70	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019	Chuyển tiếp
100	Nhà công vụ tỉnh Lai Châu	DTS	0,30		0,30	DKV	P. Tân Phong	UBND tỉnh	Thửa 75 tờ 65 tỷ lệ 1:500	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019	Chuyển tiếp
101	Kho dự trữ Lai Châu (Cục dự trữ nhà nước khu vực Tây Bắc) (điều chỉnh loại đất)	DTS	2,02		2,02	DGT (0,12); DGD (1,78); NHK (0,08); DCS (0,04)	P. Quyết Thắng	Cục dự trữ nhà nước khu vực Tây Bắc	Thửa 5,6,8 tờ 02 tỷ lệ 1:2000; Thửa 1,9 tờ 18 tỷ lệ 1:500	NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Mục 12 trang 2 là 1,90 ha); NQ số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Mục 1 trang 4 là 0,12 ha)	Chuyển tiếp
2.1.13	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	18,60	0,10	18,50						
102	Khu lâm viên thành phố Lai Châu	DKV	18,60	0,10	18,50	BHK (0,04); CLN (2,0); TMD (1,45); ODT (0,35); DGT (0,03); DTL (0,01); DVH (3,35); DKV (10,14); BCS (1,13)	P. Tân Phong	Ban QLDA	Thửa 71,92... tờ số 08 tỷ lệ 1:2000	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (mục 12 trang 2 là 18,5 ha); Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023	Chuyển tiếp
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		4,86	0,00	4,86						
2.2.1	Đất thương mại dịch vụ	TMD	4,86	0,00	4,86						
103	Đất thương mại, dịch vụ Tổ 5	TMD	0,56		0,56	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Thửa 82 tờ số 08 tỷ lệ 1:2000	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
104	Đầu giá đất thương mại dịch vụ (thửa đất giáp đường Võ Nguyên Giáp)	TMD	1,20		1,20	BCS	P. Quyết Thắng	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 118 tờ 12 tỷ lệ 1:1000	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
105	Đầu giá đất thương mại dịch vụ (Thửa đất thuộc tổ 5 giáp Ban quản lý công trình giao thông (khu nhà hàng, khách sạn)	TMD	0,24		0,24	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Thửa 133,139 tờ số 08 tỷ lệ 1:2000	Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
106	Đầu giá đất thương mại dịch vụ (thửa đất giáp đường Lò Văn Hặc, đường Trần Văn Thọ (sau DN Quảng Ba)	TMD	0,65		0,65	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Thửa 107 tờ số 79 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
107	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ (cạnh Điện lực thành phố)	TMD	0,17		0,17	BCS	P. Quyết Thắng	Sở Tài chính	Thửa 72 tờ 33	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
108	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ (Trung tâm kiểm định chất lượng công trình XD - Sở Xây dựng)	TMD	0,33		0,33	TSC	P. Tân Phong	Sở Tài chính	Thửa 14 tờ số 39 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
109	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ (Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cũ)	TMD	0,26		0,26	TSC	P. Quyết Tiến	Sở Tài chính	Thửa 06 tờ 58 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh	Chuyển tiếp
110	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ (Cục dự trữ nhà nước khu vực Tây Bắc)	TMD	0,06		0,06	TSC	P. Đoàn Kết	Sở Tài chính	thửa 76 tờ 10 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
111	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở Kho bạc cũ)	TMD	0,08		0,08	TSC	P. Đoàn Kết	Sở Tài chính	thửa 73 tờ 09 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
112	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp sở Tư Pháp, Thư viện tỉnh, TT phát hành sách)	TMD	0,16		0,16	TSC	P. Đoàn Kết	Sở Tài chính	thửa 21,29 tờ 11 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
113	Điểm giao dịch San Thàng - Agribank chi nhánh thành phố Lai Châu	TMD	0,06		0,06	TMD	Xã San Thàng	Ngân hàng Agribank chi nhánh thành phố Lai Châu	Thửa 107 tờ 56 tỷ lệ 1:500	Giấy chuyển nhượng quyền sở hữu sử dụng đất ngày 25/10/2004, giấy biên nhận ngày 18/11/2004 giữa ông:Nguyễn Duy Thoan và Agribank chi nhánh Lai Châu	Chuyển tiếp
114	Đầu giá đất thương mại (Cạnh khách sạn Việt Trang)	TMD	0,14		0,14	BCS	P. Đông Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Thửa 55 tờ 96 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
115	Đầu giá đất thương mại (Giáp đường Đặng Thai Mai, cạnh doanh nghiệp Tân Đức)	TMD	0,17		0,17	BCS	P. Đông Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Thửa 2 tờ 69	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
116	Đầu giá đất thương mại (Gần ngã tư đi Sin Hồ, UBND thành phố cũ)	TMD	0,16		0,16	BCS	P. Đoàn Kết	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	Thửa 46 tờ 15 tỷ lệ 1:500	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
117	Đầu giá đất thương mại dịch vụ tại tổ 9, phường Tân Phong	TMD	0,10		0,10	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 152, 153, tờ 69, tỷ lệ 1:500	QĐ 1584/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất trên địa bàn phường Tân Phong, thành phố Lai Châu; giao cho UBND thành phố Lai Châu quản lý	Chuyển tiếp
118	Đầu giá Chợ Trung tâm Thành phố	TMD	0,52		0,52	DCH	P. Đoàn Kết	Trung tâm phát triển quỹ đất	Thửa 15, tờ bản đồ số 7, tỷ lệ 1/500	QĐ 658/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu để quản lý, mở rộng chợ trung tâm thành phố Lai Châu tại phường Đoàn Kết	Chuyển tiếp
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		18,34	1,39	16,95						
2.3.1	Đất ở tại đô thị	ODT	15,38	1,23	14,15						
119	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	1,31	0,12	1,19	CLN (0,09); NHK (0,08); BHK (1,30)	P. Đoàn Kết	Hộ gia đình cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đã thực hiện 0,12 ha; còn lại chuyển tiếp 1,19 ha
120	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	1,36	0,14	1,22	BHK (0,3); CLN (0,92)	P. Đông Phong	Hộ gia đình cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đã thực hiện 0,14 ha; còn lại chuyển tiếp 1,22 ha
121	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,74	0,09	0,65	CLN (0,41); HNK (0,24)	P. Quyết Thắng	Hộ gia đình cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đã thực hiện 0,09 ha; còn lại chuyển tiếp 0,65 ha
122	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	2,03	0,34	1,69	BHK (0,99); CLN (0,68); NTS (0,02)	P. Quyết Tiến	Hộ gia đình cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đã thực hiện 0,34 ha; còn lại chuyển tiếp 1,69 ha

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
123	Đất ở xen kẹp trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	1,27	0,14	1,13	BHK (0,36); CLN (0,77)	P. Tân Phong	Hộ gia đình cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đã thực hiện 0,14 ha; còn lại chuyển tiếp 1,13 ha
124	Thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 315 hộ gia đình, cá nhân (đất dôi dư)	ODT	1,58		1,58	BCS	TP. Lai Châu	Phòng TNMT		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
125	Thực hiện giao đất tái định cư cho 340 thửa bị thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu	ODT	3,09	0,40	2,69	BCS	TP. Lai Châu	Trung tâm phát triển quỹ đất		NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
126	Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất 361 thửa đất tại các khu dân cư trên địa bàn thành phố Lai Châu	ODT	4,00		4,00	BCS	TP. Lai Châu	Trung tâm phát triển quỹ đất		NQ số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
2.3.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,65	0,16	2,49						
127	Đất ở xen kẹp trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ONT	0,29		0,29	BHK (0,11); CLN (0,18)	Xã Sùng Phài	Hộ gia đình cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp 0,29 ha
128	Đất ở xen kẹp trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ONT	1,86	0,16	1,70	NTS (0,02); CLN (1,18); BHK (0,5)	Xã San Thàng	Hộ gia đình cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đã thực hiện 0,16 ha; còn lại chuyển tiếp 1,70 ha
129	Thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 50 hộ gia đình, cá nhân (đất dôi dư)	ONT	0,50		0,50	BCS	xã Sùng Phài, xã San Thàng	Trung tâm phát triển quỹ đất		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Chuyển tiếp
2.3.3	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,31	0,00	0,31						
130	Cải tạo khu nuôi nhốt gia súc tập trung bản Gia Khâu 1	NKH	0,31		0,31	LUK (0,15); NHK (0,15); DGT (0,01)	Xã Sùng Phài	Phòng Kinh tế	Thửa 87,94,95,100,...,104 tờ 18 tỷ lệ 1:1000	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 6 trang 1 là 0,31 ha); Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình	Chuyển tiếp
B	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI NĂM 2023 (34 CÔNG TRÌNH)		16,24	1,13	15,11						
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		0,06	0,00	0,06						
1.1	Công trình dự án mục đích quốc phòng, an ninh		0,06	0,00	0,06						
I	Đất quốc phòng	CQP	0,06	0,00	0,06						
1	Xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố (Bổ sung thêm 02 trận địa súng máy phòng không 12,7 mm tại xã San Thàng thuộc khu căn cứ chiến đấu thành phố)	CQP	0,06		0,06	CLN	Xã San Thàng	Ban CHQS thành phố		Quyết định số 152/QĐ-BTL ngày 22/01/2021 của Bộ tư lệnh quân khu 2 về việc phê duyệt quy hoạch vị trí xây dựng căn cứ chiến đấu; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình: Trận địa súng máy phòng không 12,7 mm trong khu vực phòng thủ thành phố Lai Châu	Đăng ký mới
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng										
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất										
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất										
2	Các công trình, dự án còn lại		16,18	1,13	15,05						
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		10,96	1,13	9,83						
2.1.1	Đất giao thông	DGT	2,36	1,09	1,27						

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
2	Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D (san gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu phía bắc QL4D thành phố Lai Châu)	DGT	0,15		0,15	ODT(0,08); CLN (0,07)	P Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
3	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Tà Chải	DGT	0,31	0,25	0,06	LUK(0,01); CLN (0,03); ONT (0,01); DCS (0,01)	Xã Sùng Phài	UBND xã		Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
4	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu	DGT	0,16	0,10	0,06	HNK (0,04); CLN (0,02)	Xã Sùng Phài	UBND xã			Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
5	Đường giao thông nội đồng bản Cù Nhà La, xã Sùng Phài	DGT	0,36	0,24	0,12	LUK(0,01); CLN (0,1); ONT (0,01)	Xã Sùng Phài	UBND xã		Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
6	Đường giao thông nội đồng bản Cấn Cầu, xã Sùng Phài	DGT	0,24		0,24	LUK(0,02); HNK (0,11); CLN (0,01); DCS (0,10)	Xã Sùng Phài	UBND xã		Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
7	Đường giao thông nội đồng bản Sín Chải, xã Sùng Phài	DGT	0,36	0,24	0,12	LUK(0,01); HNK (0,09); DCS (0,02)	Xã Sùng Phài	UBND xã		Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
8	Đường giao thông nội đồng bản Lũng Thàng, xã Sùng Phài	DGT	0,15		0,15	LUK(0,11); HNK (0,02); DCS (0,02)	Xã Sùng Phài	UBND xã			Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
9	Đường giao thông nội đồng bản Cấn Đẳng, xã San Thàng	DGT	0,32	0,26	0,06	LUK(0,02); HNK (0,01); CLN (0,01); DCS (0,02)	Xã San Thàng	UBND xã		Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
10	Hạng mục: Hoàn trả đường giao thông (thuộc dự án Trường Tiểu học - THCS Đoàn Kết)	DGT	0,31		0,31	HNK (0,2); BCS (0,11)	P Đoàn Kết	Ban QLDA		Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
2.1.2	Đất thủy lợi	DTL	0,04	0,00	0,04						
11	Kênh thoát nước thuộc công trình Khu dân cư số 1 giai đoạn II, thành phố Lai Châu	DTL	0,04		0,04	CSD (0,01); DTL (0,02); HNK(0,01)	P Đồng Phong	Ban QLDA		Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao chỉ tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2)	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDD
2.1.3	Đất công trình năng lượng	DNL	0,58	0,00	0,58						
12	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 5A, TT thương mại, 2A MR, 6 GĐ1A, 8-10, thành phố Lai Châu	DNL	0,22		0,22	BHK (0,03); NHK (0,02); CLN (0,03); ONT (0,04); ODT (0,05); DGT (0,05)	P. Tân Phong	Điện lực tỉnh		Quyết định số 1076/QĐ-PCLC ngày 30/8/2018 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Đăng ký mới
13	Chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 8A, Bản mới, Phan Lìn, Chợ Nậm Loóng, TĐC 1.1, Sùng Chồ, Sùng Phài, Tà Sín Chải, bản Lũng Cù, bản Cu Ty	DNL	0,36		0,36	LUK (0,08); BHK (0,04); NHK (0,02); CLN (0,04); ONT (0,04); ODT (0,08); DGT (0,06)	Xã San Thàng, P. Quyết Tiến, P. Quyết Thắng, xã Sùng Phài	Điện lực tỉnh		Quyết định số 1329/QĐ-PCLC ngày 09/10/2018 của Công ty Điện lực Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	Đăng ký mới
2.1.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	3,13	0,00	3,13						

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
14	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu)	DVH	2,80		2,80	LUK (0,22); HNK (1,23); NTS (0,23); ONT (0,1); DGT (0,1); SON (0,8); TIN (0,02); BCS (0,1)	xã San Thàng	Ban QLDA		Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDĐ
15	Nhà văn hóa tổ dân phố số 28	DVH	0,05		0,05	BCS	P Đông Phong	UBND phường		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
16	Nhà văn hóa tổ dân phố số 1, 2, 3, 5, 6, 8, 12	DVH	0,28		0,28	DVH	P Quyết Tiến	UBND phường		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
2.1.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,12	0,04	0,08						
17	Trạm y tế xã San Thàng	DYT	0,12	0,04	0,08	TSC (0,08)	xã San Thàng	Ban QLDA		Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố Lai Châu về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án năm 2023 nguồn ngân sách địa phương	Đăng ký mới
2.1.6	Đất ở tại nông thôn	ONT	3,22	0,00	3,22						
18	Bổ trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu	ONT	3,22		3,22	CLN (0,72); HNK (1,8); ONT (0,1); DGT (0,3); SON (0,3)	xã Sùng Phài	Ban QLDA		Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia	Đăng ký mới NQ Cập nhật QH, KHSDĐ
2.1.7	Đất ở tại đô thị	ODT	1,51	0,00	1,51						
19	05 thửa đất VT1 bảm trục đường Lê Duẩn, phường Tân Phong thành phố Lai Châu	ODT	0,062		0,062	BCS	P Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất		Quyết định giao đất số 740/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
20	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất (phát triển quỹ đất ở khu 9 - khu dân cư số 2 phường Tân Phong (bổ sung))	ODT	0,194		0,194	BCS	P Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất		Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 1363/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố Lai Châu	Đăng ký mới
21	Đầu giá quyền sử dụng đất dôi dư tại các khu dân cư	ODT	0,098		0,098	DCS	P Quyết Tiến, Đông Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất		Đất đã thu hồi	Đăng ký mới
22	Đầu giá và giao đất khu dân cư Bắc 4D	ODT	1,02		1,02	DCS	P Quyết Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất		Đất đã thu hồi	Đăng ký mới
23	Đầu giá đất dôi dư tại tổ 9	ODT	0,057		0,057	BCS	P Tân Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất		Đất đã thu hồi	Đăng ký mới
24	Khu đất đường Nùng Nàng (chia lô 15 xuất đất ở dự kiến bán đấu giá) cuối Đại lộ Lê Lợi	ODT	0,024		0,024	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên		Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất					
25	Các thửa đất còn lại dự án đường Nùng Nàng - Nậm Tăm (bám mặt tiền Đại lộ Lê Lợi)	ODT	0,053		0,053	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên		Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		0,28	0,00	0,28						
2.2.1	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,28	0,00	0,28						
26	Khu đất thuộc tổ 9 (Giáp doanh nghiệp Bảo Ân)	TMD	0,11		0,11	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên		Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
27	Khu đất phổ thương mại (7 thửa) cùng dãy nhà hàng Hoa Việt	TMD	0,17		0,17	BCS	P. Tân Phong	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên		Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 30/6/2016; Quyết định số 821, 823, 824, 825/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		4,94	0,00	4,94						
2.3.1	Đất ở tại đô thị		2,77	0,00	2,77						
28	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,097		0,097	CLN (0,03); BHK (0,067)	P Quyết Thắng	Hộ gia đình, cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
29	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,76		0,76	RPH (0,05); CLN (0,055); BHK (0,66)	P Quyết Tiến	Hộ gia đình, cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
30	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,48		0,48	CLN (0,07); BHK (0,41)	P Đoàn Kết	Hộ gia đình, cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
31	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,91		0,91	CLN (0,34); NTS (0,04); BHK (0,53)	P Tân Phong	Hộ gia đình, cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
32	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ODT	0,52		0,52	LUK (0,04); BHK (0,32); CLN (0,16)	P Đông Phong	Hộ gia đình, cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
2.3.2	Đất ở tại nông thôn		2,17	0,00	2,17						
33	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ONT	2,08		2,08	BHK (1,58); CLN (0,45); NTS (0,05)	xã San Thàng	Hộ gia đình, cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
34	Đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đăng ký theo nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân)	ONT	0,09		0,09	BHK	xã Sùng Phài	Hộ gia đình, cá nhân		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Đăng ký mới
	TỔNG CỘNG (A+B) = 164 CÔNG TRÌNH		308,16	25,68	282,48						